

(Kèm theo Báo cáo số 146 /BC-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Kon Tum)

[illegible]

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN
Số liệu tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/4/2023
(Kèm theo Báo cáo số 146 /BC-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Kon Tum)

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đón đốc giải quyết	
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13 =14+15+16+17 =18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18=19+20+21	19	20	21	22=23+24+25	23	24	25	26
UBND cấp tỉnh	97	0	1	0	0	96	0	97	97	81	6	5	86	15	10	23	49	4	4	0	0	93	23	18	52	-
Các Sở, ban, ngành	43	0	0	0	0	43	0	43	43	39	4	6	33	0	0	0	43	10	0	4	6	33	10	7	16	-
UBND các huyện, thành phố	238	0	8	0	0	230	0	238	238	237	11	2	225	12	0	8	218	119	11	0	108	119	23	74	22	-
UBND các xã, phường, thị trấn	137	0	0	0	0	137	0	137	137	127	1	0	136	0	0	0	137	124	1	0	123	13	8	0	5	-
Tổng	515	0	9	0	0	506	0	515	515	484	22	13	480	27	10	31	447	257	16	4	237	258	64	99	95	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI
Số liệu tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/4/2023
(Kèm theo Báo cáo số 146 /BC-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Kon Tum)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận trong kỳ		Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại theo nội dung							Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết					Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết			Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
											Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của Tòa			Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10=11+15+16+17	11=12+13+14	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24+25	24	25	26=27+28+29	27	28	29	30
UBND cấp tỉnh	6	0	1	0	5	6	1	5	5	6	6	0	5	1	0	0	0	4	0	0	1	1	4	1	3	2	0	1	1	-
Các Sở, ban, ngành	4	0	0	0	4	4	0	4	4	4	4	0	3	1	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	4	1	1	2	-
UBND các huyện, thành phố	11	0	8	0	3	11	8	3	11	11	11	0	3	8	0	0	0	1	0	0	8	2	11	9	2	0	0	0	0	-
UBND các xã, phường, thị trấn	1	0	0	0	1	1	0	1	1	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	0	-
Tổng	22	0	9	0	13	22	9	13	21	22	22	0	12	10	0	0	0	5	0	0	9	8	16	11	5	6	1	2	3	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO
Số liệu tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/4/2023
(Kèm theo Báo cáo số 146 /BC-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Kon Tum)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận trong kỳ			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại theo nội dung								Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Tham nhũng	Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền					
													Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ							Lĩnh vực khác	Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng	Hướng dẫn	Chuyên đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+18+...+21	13=14+...+17	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26=27+28	27	28	29=30+31+32	30	31	32	33
UBND cấp tỉnh	5	0	0	0	0	5	0	5	0	5	0	5	5	0	1	0	4	0	0	0	0	5	0	0	0	0	0	0	5	0	0	5	-
Các Sở, ban, ngành	6	0	0	0	0	6	0	6	0	6	5	6	6	0	0	0	6	0	0	0	0	6	0	0	0	4	4	0	2	0	0	2	-
UBND các huyện, thành phố	2	0	0	0	0	2	0	2	0	2	1	2	2	0	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	1	1	-
UBND các xã, phường, thị trấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	
Tổng	13	0	0	0	0	13	0	13	0	13	6	13	13	0	1	0	12	0	0	0	0	13	0	0	0	4	4	0	9	0	1	8	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH
Số liệu tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/4/2023
(Kèm theo Báo cáo số 146 /BC-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Kon Tum)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận trong kỳ			Đơn đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn có một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Lĩnh vực khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng	Chuyển đơn		Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+...+16	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24
UBND cấp tỉnh	86	0	0	0	0	86	0	86	0	86	73	86	7	71	2	6	21	23	42	0	86	17	69	-
Các Sở, ban, ngành	33	0	0	0	0	33	0	33	0	33	30	33	2	3	0	28	0	0	33	6	27	6	21	-
UBND các huyện, thành phố	225	0	0	0	0	225	0	225	0	225	225	225	27	125	0	73	12	0	213	108	117	73	44	-
UBND các xã, phường, thị trấn	136	0	0	0	0	136	0	136	0	136	136	136	0	104	0	32	0	0	136	123	13	0	13	-
Tổng	480	0	0	0	0	480	0	480	0	480	464	480	36	303	2	139	33	23	424	237	243	96	147	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN
Số liệu tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/4/2023
(Kèm theo Báo cáo số 146 /BC-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Kon Tum)

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết							
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết	
					Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tổ chức		Cá nhân				Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định
									Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)														
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+...+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
UBND cấp tỉnh	4	1	3	4	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	2	0
Các Sở, ban, ngành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
UBND các huyện, thành phố	11	8	3	11	5	4	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1	9	0
UBND các xã, phường, thị trấn	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
Tổng	16	9	7	16	8	4	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	2	2	2	1	12	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Số liệu tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/4/2023

(Kèm theo Báo cáo số 146/BC-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Kon Tum)

[illegible]

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN
Số liệu tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/4/2023
(Kèm theo Báo cáo số 146 /BC-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Kon Tum)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Tron g đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết																		Phân tích kết quả giải quyết vụ việc						Chấp hành thời hạn giải quyết	
	Tổng số	Kỳ trước chuyên sang	Tiếp nhận trong kỳ			Đã giải quyết					Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Tổ cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tổ cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tổ cáo có đúng có sai	Trong đó tố cáo tiếp có đúng có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định
						Tổng số	Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ đình chỉ không do rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tổ chức		Cá nhân				Số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức								
													Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)															
MS	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
UBND cấp tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Các Sở, ban, ngành	4	0	4	4	0		4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	1	1	2	0	1	0	0	0	3	0
UBND các huyện, thành phố	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
UBND các xã, phường, thị trấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	4	0	4	4	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	1	1	2	0	1	0	0	0	3	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TÓ CÁO
Số liệu tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/4/2023
(Kèm theo Báo cáo số 146 /BC-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh Kon Tum)

Đơn vị	Tổng số kết luận phải thực hiện	Số kết luận đã thực hiện xong	Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân												Đã xử lý hành chính			Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả						Đã trả						Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
			Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân							
									Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)			Tiền (Trđ)	Đất (m2)	Tiền (Trđ)	Đất (m2)						
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
UBND cấp tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Các Sở, ban, ngành	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0
UBND các huyện, thành phố	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
UBND các xã, phường, thị trấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0